TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST - LĐ	*Văn Lâm, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phan Thị Bích Thủy

Thư ký phiên họp: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Trịnh Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2024/TLST-VDS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 27/12/2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu:** Anh Man Văn C, sinh năm: 1973, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Man Văn Q; sinh năm: 1968, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Công ty Cổ phần T1 (trước đây là Công ty Cổ phần N)

Địa chỉ trụ sở: Đường B, khu B, Khu công nghiệp P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Doãn Gia C1 – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tuấn C2 – Trưởng phòng tổ chức, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh H

Trụ sở: Số D đường N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần P – Phó Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết T – Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và lời khai của anh M Văn Cảnh thể hiện:

Năm 2005, anh Man Văn Q mượn Chứng minh nhân dân và giấy khai sinh của anh để xin việc tại Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019 và được Công ty đóng bảo hiểm với số sổ bảo hiểm là 3308008352. Thời điểm đó, anh C2 cũng đang làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ từ tháng 12/2006 cho đến nay và tham gia đóng bảo hiểm với số sổ bảo hiểm là 0107061357. Như vậy, trong cùng thời gian từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019, trên hệ thống bảo hiểm xã hội của anh C2 tham gia bảo hiểm xã hội bằng hai mã số là mã số bảo hiểm 3308008352 tại Công ty Cổ phần N và mã số bảo hiểm 0107061357 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ. Vì vậy, anh C2 đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) với anh Man Văn C (do anh Man Văn Q mượn hồ sơ của anh là Man Văn C) là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng. Anh C nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu cho Công ty Cổ phần N theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

Anh Man Văn Q trình bày thống nhất với nội dung anh C đã cung cấp ở trên. Anh xác định thời điểm anh lấy tên anh C ký hợp đồng và làm việc tại Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) thì anh M Văn Cảnh đang làm tại một công ty khác. Cho đến nay, anh nhận thấy anh mượn Chứng minh nhân dân và giấy khai sinh của anh C để đi xin việc và đứng tên anh C là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh C. Anh nhất trí với yêu cầu của anh C đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa anh nhưng lấy tên của anh C với Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) vô hiệu và thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội trong thời gian đóng trùng theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh H để trả lại Công ty Cổ phần N.

Đại diện Công ty Cổ phần T1 (trước đây là Công ty Cổ phần N) trình bày: Tháng 04/2005, Công ty Cổ phần N có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định với anh Man Văn C, sinh năm 1973 (Địa chỉ: Khu phố M, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh). Việc công ty ký hợp đồng với anh C có xem xét hồ sơ và thấy hồ sơ đúng và đủ theo quy định. Tháng 09/2019, công ty có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh Man Văn C. Công ty Cổ phần T1 có quan điểm nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) với anh Man Văn C (đều do anh Man Văn Q ký, mượn hồ sơ của anh Man Văn C) là vô hiệu theo quy định pháp luật. Công ty N1 với số tiền Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019 theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh H cung cấp: Qua rà soát dữ liệu về khai báo đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh H phát hiện trường hợp anh Man Văn C tham gia bảo hiểm xã hội với hai mã số bảo hiểm là mã số bảo hiểm 3308008352 tại Công ty Cổ phần N và mã số bảo hiểm 0107061357 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ. Căn cứ dữ liệu rà soát, Bảo hiểm xã hội tỉnh H xác định thời gian anh C đóng trùng bảo hiểm từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019. Bảo hiểm xã hội tỉnh H đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Lâm tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết

giữa Công ty Cổ phần N (Công ty Cổ phần T1) với anh Man Văn C (do anh Man Văn Q mượn hồ sơ của anh Man Văn C) là vô hiệu theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội thời gian đóng trùng là từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019 là 100.500.348 đồng. Số tiền này thoái thu theo quy trình thoái thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm xã hội tỉnh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của anh M Văn Cảnh. Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) với anh Man Văn C (do anh Man Văn Q ký) là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

[1] Về tố tụng: Hợp đồng lao động mà anh M Văn Cảnh yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết tại trụ sở Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) tại Khu công nghiệp P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của anh M Văn Cảnh đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa anh Man Văn C với Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) (do anh Man Văn Q lấy Chứng minh nhân dân của anh C để ký hợp đồng) là vô hiệu thì thấy: Việc anh Man Văn Q sử dụng Chứng minh nhân dân và Giấy khai sinh của anh M Văn Cảnh để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần N là giả mạo khi giao kết hợp đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của anh M Văn Cảnh và vi phạm quy định của Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội nên yêu cầu của anh C là có căn cứ chấp nhận. Thời gian Công ty Cổ phần N đã đóng bảo hiểm xã hội cho anh Q (mượn tên anh C) tại số sổ bảo hiểm 3308008352 từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019 với số tiền được cơ quan Bảo hiểm xác định là 100.500.348 đồng. Vì vậy cần phải thoái thu số tiền trên để hoàn trả cho Công ty Cổ phần N theo quy trình thoái thu của B.

[3] Về lệ phí: Anh Man Văn C phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Man Văn C.

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) với anh Man Văn C (do anh Man Văn Q ký hợp đồng) vô hiệu.

2. Thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty Cổ phần N đóng cho anh M Văn Cảnh tại số sổ bảo hiểm 3308008352 từ tháng 04/2005 đến tháng 08/2019 với số tiền là 100.500.348 đồng (Một trăm triệu, năm trăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần N (nay là Công ty Cổ phần T1) số tiền thoái thu bảo hiểm là 100.500.348 đồng (Một trăm triệu, năm trăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) theo quy trình thoái thu của B.

3. Lệ phí việc dân sự: Anh Man Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết sơ thẩm việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0003938 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm. Anh C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Thị Bích Thủy